

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 6 - 2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung;
chia tài sản chung và đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Xuân Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lâm Thị Vên

Ông Hoàng Ngọc Quý

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Nam Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Kiều, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 20/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung; chia tài sản chung và đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị K, sinh năm 1984; địa chỉ thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1957; địa chỉ thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bà Triệu Thị N, sinh năm 1961; địa chỉ thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Dương Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có lý do.

2. Bà Hà Thị H, sinh năm 1962; địa chỉ thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có lý do.

3. Bà Lý Thị T, sinh năm 1959; địa chỉ thôn B, xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 26/11/2017, bản tự khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nông Thị K trình bày: Qua mai mối giới thiệu của hai bên gia đình, chị và anh Hoàng Văn T quen nhau và tìm hiểu, sau đó được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào tháng 11/2007, đến ngày 03/3/2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, có 01 người con chung. Khi con chung được 6 tháng, do tính chất công việc là giáo viên có nhiều áp lực và anh Hoàng Văn T thì đi học nghề, nhưng ngày nghỉ thì hay đi chơi bạn bè, uống rượu chè, không quan tâm đến vợ, con. Từ năm 2014, khi anh Hoàng Văn T được đi làm tại ủy ban nhân dân xã T thì lại lầy lý do công việc, xa nhà đã thuê ở trọ ít về và bỏ mặc vợ, con không quan tâm, chăm sóc, có lúc về nhà thì hay say xỉn và chửi bới chị, có lần còn đánh chị. Dù chị đã khuyên bảo nhưng không được và từ cuối năm 2014 tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, nhất là ngày 20/11/2017 anh Hoàng Văn T còn đánh và làm nhục chị tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, do vậy thời gian sau chị luôn sống trong tâm trạng bất an, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị không thể an tâm để công tác. Nay chị tự thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần giải thoát cho nhau, vì vậy chị Nông Thị K xin được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Chị Nông Thị K trình bày có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Ngọc D, sinh ngày 13/12/2008, hiện nay cháu đang học lớp 4 trường Tiểu học bán trú xã T, huyện B nơi chị công tác, khi ly hôn chị Nông Thị K yêu cầu được quyền nuôi con và yêu cầu anh Hoàng Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 800.000đ đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng trả theo tháng.

Về vay nợ chung: Vợ chồng không có vay nợ chung. Về tài sản chung, chị Nông Thị K trình bày quá trình chung sống vợ chồng tạo dựng được khối tài sản chung như kết quả biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/5/2018 gồm: Đồ dùng sinh hoạt có 01 tủ lạnh Panasonic; 01 tủ gỗ thông 2 buồng; 01 bếp ga nhãn hiệu LTP kèm 01 bình ga. Và có 01 máy in hiệu Canon LPT 2900 là tài sản riêng của chị, hiện do anh Hoàng Văn T đang giữ. Về gỗ làm nhà có 10 tấm ván thợ bằng gỗ Dầm và 109 thanh gỗ nghiêng các loại. Ngoài ra còn mua được bộ đệm và kèo nhà sàn, gồm 48 cây đệm và 12 cây kèo đều bằng gỗ Lý.

Khi ly hôn chị Nông Thị K yêu cầu chia đôi bằng hiện vật số tài sản là các loại gỗ, bộ đệm, kèo nhà sàn; còn đồ dùng sinh hoạt chị yêu cầu được sử dụng 01 bếp ga kèm 01 bình ga; đồ dùng còn lại để anh Hoàng Văn T sử dụng là 01 tủ lạnh và 01 tủ gỗ thông hai buồng. Đối với chiếc máy in hiệu Canon LPT 2900 là tài sản riêng của chị, nên yêu cầu anh Hoàng Văn T trả lại.

Ngoài yêu cầu chia tài sản chung, chị Nông Thị K còn yêu cầu chia phần công sức đóng góp tạo dựng vào tài sản chung của gia đình nhà chồng, gồm:

- Một rừng cây keo tại thôn K, xã T, trồng trên đất rừng của bố mẹ chồng là ông Hoàng Văn T, bà Triệu Thị N, cụ thể khi sống chung cùng gia đình, chị đã đóng góp công sức như đưa tiền lương cho anh Hoàng Văn T để mua giống cây, chi tiêu ăn uống cho gia đình và việc thuê nhân công phát rừng, làm bầu, ươm cây

keo. Bắt đầu ươm cây giống, làm bầu từ cuối năm 2008, đến năm 2010 thì trồng. Chị nhất trí với biên bản xem xét thẩm định và thỏa thuận về trị giá rừng keo Tòa án lập ngày 15/5/2018 là có 4.000 cây keo, trị giá 45.000.000đồng/1 cây, tổng số tiền là 180.000.000đồng. Khi ly hôn chị Nông Thị K yêu cầu được hưởng 1/4 trị giá rừng cây keo bằng tiền là 45.000.000đồng.

- Bộ cột gỗ nhà sàn gồm 33 cột gỗ sến, cụ thể năm 2012 có mua với ông Triệu Văn T (Là em trai ruột mẹ anh Hoàng Văn T) tại xã Y, huyện B, mua với giá 70.000.000đồng và trả dần, chị Nông Thị K khẳng định có đưa nhiều lần tiền cho anh Hoàng Văn T đi trả, việc đưa tiền vì là vợ chồng nên không có giấy tờ gì chứng minh, đến năm 2013 trả xong và xin vận chuyển gỗ về nhà. Căn cứ kết quả định giá tài sản ngày 15/5/2018 bộ cột nhà sàn này có trị giá là 70.000.000đồng. Khi ly hôn chị Nông Thị K yêu cầu được hưởng 1/4 bộ cột nhà sàn bằng tiền là 17.500.000đồng.

Ngoài ra chị Nông Thị K còn yêu cầu đòi lại ông Hoàng Văn T phải trả lại chị 10.000.000đồng, là tiền chị đưa cho ông Hoàng Văn T để mua mảnh đất với ông Lèo Văn T vào năm 2012 tại thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Tại bản tự khai ngày 09/4/2018, biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2018, lời trình bày tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Hoàng Văn T trình bày: Nhất trí với lời trình bày của chị Nông Thị K về thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng. Mặc dù hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể tiếp tục sống chung. Nay chị Nông Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý ly hôn. Về con chung, có một con chung như chị Nông Thị K đã trình bày, nếu phải ly hôn anh đồng ý để chị Nông Thị K tiếp tục nuôi con chung và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đồng theo đúng yêu cầu của chị Nông Thị K, nhưng trả theo năm.

Về nợ chung anh Hoàng Văn T trình bày, cũng không có nợ chung; về tài sản chung anh thống nhất vợ chồng có tài sản chung như chị Nông Thị K trình bày ở trên, anh đồng ý chia đôi bằng hiện vật về các loại gỗ hiện có; về đồ dùng sinh hoạt anh cũng chấp nhận như ý kiến của chị Nông Thị K đưa ra. Và thừa nhận hiện anh đang giữ một máy in hiệu Cannon của riêng chị Nông Thị K sau khi giải quyết ly hôn xong anh sẽ trả lại chị Nông Thị K.

Đối với tài sản là rừng cây keo, bộ cột gỗ nhà sàn anh Hoàng Văn T cho rằng là tài sản riêng của bố mẹ anh. Sau khi cưới anh thì đi học xa nhà, còn chị Nông Thị K làm giáo viên, nên không có đóng góp gì, mà tiền trồng cây, thuê nhân công trồng đều do bố mẹ anh bỏ ra, tiền có được từ việc bán 05 con trâu và tiền tự có của bố mẹ, nên anh không chấp nhận yêu cầu của chị Nông Thị K. Về bộ cột gỗ nhà sàn do bố mẹ anh mua của cậu ruột là Triệu Văn T, mua năm 2005, có xác nhận của UBND xã Y về việc xin cắt cây, đến tháng 5/2007 trả tiền cây là 70.000.000đồng, do bố anh ông Hoàng Văn T là người trực tiếp trả tiền, nên anh không đồng ý yêu cầu của chị Nông Thị K.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn T, bà Triệu Thị N thống nhất trình bày: Gia đình có rừng cây keo ở phía sau nhà tại thôn K, xã T, trồng trên diện tích đất của ông, bà được Ủy ban nhân dân huyện B giao quyền

quản lý và sử dụng rừng năm 1994, quá trình sử dụng năm 2010 trồng keo, tiền cây giống, ươm bầu, thuê nhân công là của riêng ông bà, thời điểm đó chị Nông Thị K làm giáo viên, còn anh Hoàng Văn T đi học nên không có đóng góp gì, hơn nữa từ năm 2000 đến hết năm 2011 đều có các cháu đến ở và phụ giúp việc gia đình. Ông, bà cũng nhất trí với biên bản xem xét thẩm định và thỏa thuận về trị giá rừng keo ngày 15/5/2018 là có 4.000 cây, trị giá 45.000đồng/1 cây, tổng số tiền là 180.000.000đồng. Đối với bộ cột gỗ nhà sàn như kết quả xem xét thẩm định ngày 15/5/2018 hiện có 33 cây cột bằng gỗ Sến là tài sản riêng của vợ chồng ông, bà và khẳng định năm 2005 mua với em ruột bà Triệu Thị N là ông Triệu Văn T, địa chỉ thôn B, xã Y, huyện B (Nay ông T đã chết), đến tháng 5/2007 ông Hoàng Văn T đã trả đủ tiền là 70.000.000đồng. Số tiền mua gỗ là tiền tích góp của ông bà do bán hàng tạp hóa từ năm 1999. Vợ chồng anh Hoàng Văn T, chị Nông Thị K không có đưa tiền hay đóng góp gì vì thời điểm đó chưa cưới nhau. Do vậy, ông Hoàng Văn T, bà Triệu Thị N không đồng ý với yêu cầu của chị Nông Thị K đòi chia tiền công sức đóng góp vào rừng cây keo và 33 cột gỗ nhà sàn.

Đối với yêu cầu trả 10.000.000đồng của chị Nông Thị K, ông Hoàng Văn T trình bày: Năm 2013 ông có mua một mảnh đất của ông Lèo Văn T tại thôn B, xã T với số tiền là 80.000.000đồng, đất chưa có sổ đỏ, mua bán chỉ có giấy tờ viết tay. Tiền mua đất ông đã thanh toán trả đủ, chị Nông Thị K không đưa 10.000.000đồng cho ông, nên không đồng ý yêu cầu đòi lại tiền này, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của chị Nông Thị K.

Theo đơn yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn ngày 15/5/2018 Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ về tài sản và định giá tài sản chung vợ chồng và rừng cây keo, bộ cột gỗ nhà sàn, kết quả:

Về tài sản chung: Đồ dùng sinh hoạt có 01 tủ lạnh; 01 tủ gỗ thông 2 buồng; 01 bếp ga kèm 01 bình ga. Riêng chiếc máy in hiệu Canon LPT 2900 là của riêng chị Nông Thị K, hiện anh Hoàng Văn T đang giữ (Không định giá). Theo kết quả định giá thì tủ lạnh, tủ gỗ đã hết khấu hao giá trị còn lại là 0 đồng; còn 01 bếp ga kèm 01 bình ga giá trị còn lại 250.000đồng. Về các loại gỗ các đương sự không yêu cầu định giá, mà tự thỏa thuận được Hội đồng định giá chấp nhận, cụ thể: 10 tấm ván thợ trị giá 5.000.000đồng; 109 thanh gỗ nghiến (Kích thước khác nhau) tổng cộng là 1,542m³, có giá 7.000.000đồng/1 m³, trị giá là 10.794.000đồng; 48 cây đầm nhà sàn bằng gỗ lý, 200.000đồng/cây trị giá 9.600.000đồng; 12 cây kèo bằng gỗ lý, 1.000.000đồng/cây trị giá là 12.000.000đồng. Tổng trị giá tài sản chung nêu trên là 37.644.000đồng.

Người làm chứng: Bà Dương Thị T, Hà Thị H và bà Lý Thị T đều vắng mặt tại phiên tòa, nhưng theo tài liệu có trong hồ sơ thấy bà Dương Thị T, Hà Thị H không có bản trình bày tự khai mà có chung bản xác nhận của người làm chứng, nội dung làm chứng là được gia đình ông Hoàng Văn T thuê đến tra bầu, trồng cây keo năm 2009 và khẳng định chị Nông Thị K không đóng góp gì; còn lời làm chứng của bà Lý Thị T khẳng định năm 2005 ông Hoàng Văn T mua và trả tiền cho vợ chồng bà bộ cột gỗ nhà sàn là đúng, và bác bỏ việc chị Nông Thị K cho rằng mua năm 2012.

Tòa án đã yêu cầu các đương sự giao nộp chứng cứ chứng minh, tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các đương sự không tự thỏa thuận được yêu cầu tiền công sức đóng góp về rừng cây keo, 33 cột gỗ nhà sàn, đòi lại 10.000.000đồng và yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định, không có kiến nghị. Về nội dung đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị K với anh Hoàng Văn T; công nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con là giao con chung cho chị Nông Thị K nuôi dưỡng, anh Hoàng Văn T cấp dưỡng nuôi con 800.000đồng/tháng, về tài sản chung chia đôi mỗi người được hưởng 1/2 tài sản chung hiện có bằng hiện vật. Về đòi tiền công sức đóng góp: Chấp nhận một phần yêu cầu công sức đóng góp đối với rừng cây keo theo quy định pháp luật; không chấp nhận yêu cầu đòi công sức đóng góp đối với 33 cột gỗ nhà sàn, bác yêu cầu đòi lại số tiền 10.000.000đồng vì không có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị K và anh Hoàng Văn T có thời gian chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 03/3/2008 đúng luật định, nên quan hệ vợ chồng được pháp luật thừa nhận.

[2] Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ, thấy chị Nông Thị K được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với anh Hoàng Văn T, có tổ chức cưới, hỏi vào tháng 11/2007. Quá trình chung sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, có 01 người con chung, sau đó phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được, chị Nông Thị K xin ly hôn anh Hoàng Văn T thấy không thể tiếp tục sống chung được anh đồng ý ly hôn. Xét thấy sự thỏa thuận thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái luật, nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị K với anh Hoàng Văn T.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Ngọc D, sinh ngày 13/12/2008. Hai đương sự thỏa thuận giao con chung cho chị Nông Thị K được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Hoàng Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Vì hai đương sự không thỏa thuận được phương thức cấp dưỡng, nên buộc anh Hoàng Văn T thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con trả theo tháng, bắt đầu tính từ tháng 7 năm 2018, anh Hoàng Văn T có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Căn cứ khoản 2 Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên đương sự và buộc phải thực hiện phương thức cấp dưỡng theo luật định.

[4] Về tài sản chung: Chị Nông Thị K và anh Hoàng Văn T tự thỏa thuận về số lượng, trị giá tài sản chung như biên bản xem xét thẩm định và định giá tài sản cùng ngày 15/5/2018 và tự thỏa thuận chia đôi tài sản chung bằng hiện vật, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau.

[5] Về đồ dùng sinh hoạt chị Nông Thị K được sử dụng 01 bếp ga nhãn hiệu LTP kèm 01 bình ga trị giá còn lại là 250.000đồng; anh Hoàng Văn T được sử dụng 01 tủ lạnh Panasonic, 01 tủ gỗ hai buồng (Đều đã hết khấu hao). Anh Hoàng Văn T có trách nhiệm trả lại chị Nông Thị K 01 máy in hiệu Canon LPT 2900 (Tài sản riêng của chị Nông Thị K, hiện do anh Hoàng Văn T đang giữ).

[6] Về các loại gỗ chị Nông Thị K được chia và sử dụng gồm:

- 05 (Năm) tấm ván thò kích thước 0,05 x 0,5 x 2,2 trị giá 2.500.000đồng.

- 55 (Năm mươi lăm) thanh gỗ nghiêng có kích thước như sau: 06 (Sáu) thanh 0,25m x 0,15m x 0,8m; 02 (Hai) thanh 0,3m x 0,07m x 1,2m; 20 (Hai mươi) thanh 0,08m x 0,08m x 0,08m; 11 (Mười một) thanh 0,07m x 0,14m x 0,75m; 01 (Một) thanh 0,14m x 0,14m x 0,8m; 04 (Bốn) thanh 0,04m x 0,08m x 1,54m; 01 (Một) thanh 0,08m x 0,08m x 1,54m; 01 (Một) thanh 0,14m x 0,07m x 2,2m; 02 (Hai) thanh 0,2m x 0,1m x 1,6m; 01 (Một) thanh 0,08m x 0,23m x 2m và 06 (Sáu) thanh 0,08m x 0,2m x 2m. Trị giá là 5.397.000đồng.

- 24 (Hai mươi bốn) cây Đầm nhà sàn bằng gỗ lý kích thước 0,14m x 0,09m x 2,8m trị giá là 4.800.000đồng; 06 (Sáu) cây kèo nhà sàn bằng gỗ lý kích thước 0,14m x 0,07m x 6,45m trị giá là 6.000.000đồng.

[7] Về gỗ anh Hoàng Văn T được chia và sử dụng gồm:

- 05 (Năm) tấm ván thò kích thước 0,05 x 0,5 x 2,2 trị giá 2.500.000đồng.

- 54 (Năm mươi tư) thanh gỗ nghiêng có kích thước như sau: 06 (Sáu) thanh 0,25m x 0,15m x 0,8m; 03 (Ba) thanh 0,3m x 0,07m x 1,2m; 19 (Mười chín) thanh 0,08m x 0,08m x 0,08m; 12 (Mười hai) thanh 0,07m x 0,14m x 0,75m; 01 (Một) thanh 0,12m x 0,08m x 1,54m; 04 (Bốn) thanh 0,04m x 0,08m x 1,54m; 01 (Một) thanh 0,14m x 0,07m x 2,2m; 01 (Một) thanh 0,2m x 0,1m x 1,6m; 01 (Một) thanh 0,08m x 0,23m x 1,8m và 06 (Sáu) thanh 0,08m x 0,2m x 2m. Trị giá là 5.397.000đồng.

- 24 (Hai mươi bốn) cây Đầm nhà sàn bằng gỗ lý kích thước 0,14m x 0,09m x 2,8m trị giá là 4.800.000đồng; 06 (Sáu) cây kèo nhà sàn bằng gỗ lý kích thước 0,14m x 0,07m x 6,45m trị giá là 6.000.000đồng.

[8] Về yêu cầu công sức đóng góp rừng cây keo, thấy: Việc trồng rừng keo các bên thừa nhận được phát rừng, ươm bầu và trồng, chăm sóc từ năm 2010, nghĩa là hình thành trong thời kỳ chị Nông Thị K sống chung cùng gia đình ông Hoàng Văn T. Tuy chị Nông Thị K không có chứng cứ để chứng minh về công sức đóng góp, nhưng ông Hoàng Văn T, bà Triệu Thị N cho rằng chị Nông Thị K không góp gì là không đúng, vì chị Nông Thị K có nghề nghiệp ổn định có thu nhập qua lương và sống chung với gia đình, nên có căn cứ xác định chị Nông Thị K có đóng góp công sức là phù hợp. Nhưng chị Nông Thị K yêu cầu được hưởng 1/4 trị giá rừng keo là chưa phù hợp, bởi lẽ chị là giáo viên, nên thời gian đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình chỉ được một phần, chứ không thể được hưởng đủ như một thành viên khác trong gia đình. Do vậy cần chấp nhận một phần công sức đóng góp của chị Nông Thị K tương ứng số tiền 25.000.000đồng theo quy định tại 61 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là phù hợp, có căn cứ.

[9] Về yêu cầu đòi công sức mua bộ cột nhà sàn: Các bên thừa nhận 33 cột gỗ nhà sàn mua với ông Triệu Văn T là đúng, chị Nông Thị K cho rằng mua năm 2012 và có góp tiền đưa cho anh Hoàng Văn T để trả và năm 2013 mới xin giấy của chính quyền để vận chuyển về nhà, còn ông Hoàng Văn T cho rằng tiền của ông và ông tự trả và khẳng định mua năm 2005, đến năm 2007 đã trả đủ tiền và năm 2013 mới vận chuyển về nhà. Hội đồng xét xử căn cứ theo giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B ngày 31/12/2005 thể hiện việc mua và khai thác gỗ năm 2005. Và năm 2007 ông Hoàng Văn T đã trả đủ tiền mua gỗ là 70.000.000đồng cho ông Triệu Văn T, nay ông T đã chết, có bà Lý Thị T (Vợ ông T) làm chứng khẳng định tháng 5 năm 2007 ông Hoàng Văn T đã trả đủ tiền. Căn cứ vào giấy xác nhận của chính quyền xã Y ngày 31/12/2005 thấy có căn cứ cho rằng việc mua bộ cột gỗ nhà sàn có trước khi chị Nông Thị K về sống chung cùng gia đình, do vậy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu tiền công sức đóng góp là 1/4 trị giá 33 cột gỗ nhà sàn của chị Nông Thị K.

[10] Về đòi số tiền 10.000.000đồng, thấy: Các đương sự không đưa ra được chứng cứ chứng minh có việc đưa tiền, nên không có cơ sở để buộc ông Hoàng Văn T phải trả lại tiền, nên không chấp nhận yêu cầu đòi lại 10.000.000đồng của chị Nông Thị K.

[11] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, b khoản 5; điểm d khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Nông Thị K phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu án phí về chia tài sản chung ứng với phần gỗ và bếp ga, bình ga được chia là 18.947.000đồng x 5% là 947.000đồng và án phí dân sự có giá ngạch với số tiền được hưởng công sức đóng góp rừng cây keo là 25.000.000đồng x 5% là 1.250.000đồng; án phí dân sự có giá ngạch về đòi lại 10.000.000đồng không được chấp nhận là 500.000đồng. Tổng cộng là 2.997.000đồng sung công quỹ nhà nước.

Anh Hoàng Văn T phải chịu án phí về chia tài sản chung ứng với phần gỗ được chia là 18.697.000đồng x 5% là 934.000đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng, tổng cộng là 1.234.000đồng, sung công quỹ nhà nước.

[12] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Căn cứ Điều 157; 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tổng số tiền chi phí là 3.200.000đồng, bởi nguyên đơn, bị đơn đều yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét thẩm định và định giá, do vậy buộc mỗi bên phải chịu một nửa số tiền chi phí là 1.600.000đồng, xác nhận các bên đã nộp đủ.

[13] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần xem xét để áp dụng quyết định trong việc giải quyết vụ án.

[14] Về ý kiến tranh luận: Về ý kiến tranh luận của chị Nông Thị K cho rằng rừng keo, việc mua bộ cột gỗ nhà sàn là có trong thời kỳ chị sống chung cùng gia đình và có một phần công sức đóng góp, nên yêu cầu Hội đồng xét xử

chấp nhận theo đơn khởi kiện; còn ông Hoàng Văn T, bà Triệu Thị N cho rằng chị Nông Thị K không đóng góp gì và đề nghị Hội đồng xét xử bác bỏ toàn bộ yêu cầu của chị Nông Thị K. Ý kiến tranh luận của các đương sự đã được Hội đồng xét xử đánh giá, nhận định như trên.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 55, 61, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; 157; 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, b, khoản 5; điểm d khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận về thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Nông Thị K với bị đơn anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nông Thị K với anh Hoàng Văn T là giao con chung cháu Hoàng Thị Ngọc D, sinh ngày 13/12/2008 cho chị Nông Thị K được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Hoàng Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đồng (Tám trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức trả theo tháng, bắt đầu tính từ tháng 7 năm 2018 và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Nếu bên phải cấp dưỡng chưa trả tiền, thì còn phải chịu lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chia tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nông Thị K với anh Hoàng Văn T về chia tài sản chung như sau:

Chị Nông Thị K được chia và có quyền sở hữu, sử dụng tài sản sau.

- 01 (Một) bếp ga nhãn hiệu LTP kèm bình ga.

- 05 (Năm) tấm ván thò kích thước 0,05m x 0,5m x 2,2m.

- 55 (Năm mươi lăm) thanh gỗ nghiêng có số lượng, kích thước như sau: 06 (Sáu) thanh 0,25m x 0,15m x 0,8m; 02 (Hai) thanh 0,3m x 0,07m x 1,2m; 20 (Hai mươi) thanh 0,08m x 0,08m x 0,08m; 11 (Mười một) thanh 0,07m x 0,14m x 0,75m; 01 (Một) thanh 0,14m x 0,14m x 0,8m; 04 (Bốn) thanh 0,04m x 0,08m x 1,54m; 01 (Một) thanh 0,08m x 0,08m x 1,54m; 01 (Một) thanh 0,14m x 0,07m x 2,2m; 02 (Hai) thanh 0,2m x 0,1m x 1,6m; 01 (Một) thanh 0,08m x 0,23m x 2m và 06 (Sáu) thanh 0,08m x 0,2m x 2m.

- 24 (Hai mươi tư) cây Đầm nhà sàn bằng gỗ lý kích thước 0,14m x 0,09m x 2,8m; 06 (Sáu) cây Kèo nhà sàn bằng gỗ lý kích thước 0,14m x 0,07m x 6,45m.

Anh Hoàng Văn T được chia và có quyền sở hữu, sử dụng tài sản sau.

- 01 (Một) tủ lạnh Panasonic, 01 (Một) tủ gỗ hai buồng.

- 05 (Năm) tấm ván thợ kích thước 0,05m x 0,5m x 2,2m.

- 54 (Năm mươi tư) thanh gỗ nghiêng có số lượng, kích thước như sau: 06 (Sáu) thanh 0,25m x 0,15m x 0,8m; 03 (Ba) thanh 0,3m x 0,07m x 1,2m; 19 (Mười chín) thanh 0,08m x 0,08m x 0,08m; 12 (Mười hai) thanh 0,07m x 0,14m x 0,75m; 01 (Một) thanh 0,12m x 0,08m x 1,54m; 04 (Bốn) thanh 0,04m x 0,08m x 1,54m; 01 (Một) thanh 0,14m x 0,07m x 2,2m; 01 (Một) thanh 0,2m x 0,1m x 1,6m; 01 (Một) thanh 0,08m x 0,23m x 1,8m; 06 (Sáu) thanh 0,08m x 0,2m x 2m.

- 24 (Hai mươi tư) cây Đầm nhà sàn bằng gỗ lý kích thước 0,14m x 0,09m x 2,8m; 06 (Sáu) cây Kèo nhà sàn bằng gỗ lý kích thước 0,14m x 0,07m x 6,45m.

Anh Hoàng Văn T có trách nhiệm trả lại chị Nông Thị K 01 máy in hiệu Canon LPT 2900 (Là tài sản riêng của chị Nông Thị K, hiện do anh Hoàng Văn T đang giữ).

4. Về yêu cầu đòi tiền đóng góp công sức:

- Chấp nhận một phần yêu cầu đòi tiền công sức đóng góp đối với rừng cây Keo, cụ thể: Ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị N cùng có nghĩa vụ trả tiền công sức đóng góp rừng cây keo cho chị Nông Thị K số tiền là 25.000.000đồng (Hai mươi năm triệu đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu đòi tiền công sức đóng góp đối với 33 (Ba mươi ba) cột nhà sàn của chị Nông Thị K.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của bên được trả tiền, nếu bên phải trả tiền chưa trả được, thì còn phải trả lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về yêu cầu đòi lại tài sản (Tiền): Không chấp nhận yêu cầu đòi lại số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) của chị Nông Thị K.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc chị Nông Thị K và anh Hoàng Văn T mỗi người phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.600.000đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng), xác nhận đều đã nộp đủ.

7. Về án phí: Buộc chị Nông Thị K phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.697.000đồng (Hai triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn đồng). Tổng cộng là 2.997.000đồng (Hai triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng) sung công quỹ nhà nước.

Được khấu trừ vào 6.460.000đồng tiền tạm ứng án phí chị Nông Thị K đã nộp tại biên lai số AA/2012/02441 ngày 06/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Hoàn trả lại chị Nông Thị K số tiền án phí còn thừa là 3.463.000đồng (Ba triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Buộc anh Hoàng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 934.000đồng; án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đồng, tổng cộng 1.234.000đồng (Một triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng) để sung công quỹ nhà nước.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Lạng Sơn;
- VKS ND H Bình Gia, T Lạng Sơn;
- CC.THA DS huyện B - T Lạng Sơn;
- UBND xã T (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự (Theo địa chỉ);
- Lưu HS + Tổ HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Dương Xuân Tĩnh